míng yán

名言

Noun · Famous saying / proverb

Example Sentences

zhè shì yī jù míng yán
这是一句 名 言。

This is a famous saying.

lǎo shī jīng cháng yǐn yòng míng yán lái gǔ lì wǒ men
老师经 常 引 用 名 言来鼓励我 们。

The teacher often quotes famous sayings to encourage us.

zhè běn shū shōu jí le xǔ duō guān yú rén shēng de míng yán
这 本 书 收 集了许多 关 于人 生 的 名 言。

This book collects many famous sayings about life.

Trace each character, then write the word on your own.

名 名 名 名 名 名 名 名 名

言 言 言 言 言 言 言 言 言 言